TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2024/QĐST-VDS	*Bến Lức, ngày 23 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
"Về việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự"

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Hồ Thị Miên.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Phước Long

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên họp:Bà Lê Hà Thảo Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 226/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 05/2024/QĐST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Bùi Minh N, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Bùi Ngọc H, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp B, xã M, Huyện B, tỉnh Long An.

2. Ông Bùi Đình C, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp P, xã L, Huyện B, tỉnh Long An.

3. Ông Bùi Đức T, sinh năm 1976. HKTT: Ấp P, xã L, Huyện B, tỉnh Long An. Tạm trú: Ấp B, xã P, huyện B, tỉnh Long An.

4. Bà Bùi Thị Thanh L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp B, xã L, Huyện C, tỉnh Long An.

5. Bà Bùi Thị Thanh H1, sinh năm 1971 .Địa chỉ: Â, xã P, Huyện C, tỉnh Long An.

6. Ông Dương Tâm L1, sinh năm 1962.

7. Bà Dương Thị Huyền T1, sinh năm 1979.

8. Bà Dương Thị Huyền C1, sinh năm 1989.

9. Bà Dương Thị Huyền D, sinh năm 1986.

Cùng địa chỉ: ấp L, xã L, Huyện B, tỉnh Long An.

10. Bà Dương Thị Huyền T2, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông N, bà H, ông T, bà L có mặt; ông C, bà H1, ông L1, bà T1, bà C1, bà D, bà T2 vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự ngày 21/3/2024 ông Bùi Minh N trình bày:

Bà Bùi Ngọc Y, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An không có chồng, con. Có cha là ông Bùi Văn Đ (tên gọi khác là Bùi Văn Đ1, chết năm 2016), có mẹ là bà Trần Thị X (chết năm 2021). Ông Đ, bà X xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1958, có đăng ký kết hôn và có 08 người con chung gồm: Bùi Ngọc Y, Bùi Thị Ngọc P (chết năm 2018, có chồng là Dương Tâm L1, 04 người con gồm: Dương Thị Huyền T1, Dương Thị Huyền T2, Dương Thị Huyền C1, Dương Thị Huyền D), Bùi Ngọc H, Bùi Thị Thanh L, Bùi Thị Thanh H1, Bùi Đình C, và Bùi Đức T và ông - Bùi Minh N. Ông Đ có cha là ông Bùi Văn P1 và mẹ là Lại Thị T3 đã chết trước ông Đ, không có chứng tử và không rõ năm chết. Bà X có cha là ông Trần Văn L2 và mẹ là bà Nguyễn Thị C2, đều đã chết trước bà X, không có chứng tử và không rõ năm chết.

Khi còn sống, ông Đ, bà X có tạo lập tài sản chung là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 185, tờ bản đồ số 01, tọa lạc tại ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An và các thửa đất khác tại xã L, huyện B, tỉnh Long An. Sau khi cha mẹ qua đời, các đồng thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ, bà X không thỏa thuận được việc phân chia di sản thừa kế. Mặc khác, chị ruột ông N là bà Bùi Ngọc Y mắc bệnh thiểu năng từ nhỏ, không thể tự sinh hoạt cá nhân và do ông trực tiếp nuôi dưỡng. Ông nhận thấy chị của ông là bà Bùi Ngọc Y mất khả năng nhận thức và làm chủ hành vi nên yêu cầu tuyên bố bà Bùi Ngọc Y, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An mất năng lực hành vi dân sự. Hiện nay ông đang là người trực tiếp nuôi dưỡng chị ông nên ông đề nghị Toà án xác định ông là người giám hộ của bà Y.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc H, ông Bùi Đình C, bà Bùi Thị Thanh H1, ông Dương Tâm L1, bà Dương Thị Huyền T1, bà Dương Thị Huyền C1, bà Dương Thị Huyền D, bà Dương Thị Huyền T2 có bản tự khai thống nhất

yêu cầu tuyên bố Bùi Ngọc Y, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An mất năng lực hành vi dân sự và cử ông Bùi Minh N là người giám hộ cho bà Y.

Tại phiên họp, ông N, bà H vẫn giữ nguyên lời trình bày, thống nhất tuyên bố bà Bùi Ngọc Y mất năng lực hành vi dân sự và cử ông N là người giám hộ của bà Y.

Ông Bùi Đức T thống nhất với quan hệ hôn nhân của cha mẹ và quan hệ huyết thống của bà Y như ông N trình bày. Ông thừa nhận bà Y mắc bệnh thiểu năng từ nhỏ, không thể tự sinh hoạt cá nhân nên đồng ý với yêu cầu tuyên bố bà Y mất năng lực hành vi dân sự. Hiện nay ông N đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng bà Y nên đồng ý cử ông N là người giám hộ cho bà Y.

Bà Bùi Thị Thanh L thống nhất với quan hệ hôn nhân của cha mẹ và quan hệ huyết thống của bà Y như ông N trình bày. Bà Y mắc bệnh thiểu năng từ nhỏ, không thể tự sinh hoạt cá nhân nên việc ông N yêu cầu tuyên bố bà Y mất năng lực hành vi dân sự thì bà đồng ý. Bà L thừa nhận hiện nay ông N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà Y và việc các anh chị em khác đồng ý cử ông N là người giám hộ cho bà Y thì bà không có ý kiến, bà không tranh chấp về việc cử người giám hộ, bà cũng không đồng ý là người giám hộ cho bà Y. Tuy nhiên, việc cử người giám hộ cho bà Y đề nghị thực hiện theo thẩm quyền, không đồng ý ghi nhận tại phiên họp.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật.

Về nội dung: Theo kết luận giám định pháp y tâm thần số 4822/KLGĐ ngày 20/6/2024 của Trung tâm Pháp Y Tâm Thần Khu vực Thành phố H kết luận về tình trạng tâm thần đối với bà Y: "Về y học: Đương sự bị: Chậm phát triển tâm thần mức độ nặng (F72-ICD10). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi". Do đó, có đủ căn cứ tuyên bố bà Bùi Ngọc Y mất năng lực hành vi dân sự. Đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Minh N.

Đối với yêu cầu cử người giám hộ cho bà Y: Qua tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì hiện nay các đương sự xác định ông N đang trực tiếp chăm sóc bà Y và không có tranh chấp về người giám hộ. Tuy nhiên, bà L yêu cầu thực hiện thủ tục cử người giám hộ theo đúng thủ tục, trình tự theo quy định pháp luật. Theo quy định Điều 54 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bà Bùi Ngọc Y không có người giám hộ đương nhiên, các đương sự không tranh chấp về việc giám hộ nên Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của bà Y là Ủy ban nhân dân xã L có trách nhiệm cử người giám hộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Bùi Minh N yêu cầu tuyên bố bà Bùi Ngọc Y, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An mất năng lực hành vi dân sự nên Tòa án xác định đây là việc dân sự "Tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự". Căn cứ khoản 1 Điều 27, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ việc theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bà Bùi Ngọc Y không có chồng, con; cha mẹ của bà Y đã chết nên các anh, chị em của bà Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. ông Bùi Đình C, bà Bùi Thị Thanh H1, ông Dương Tâm L1, bà Dương Thị Huyền T1, bà Dương Thị Huyền C1, bà Dương Thị Huyền D, bà Dương Thị Huyền T2 có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt. Tòa án quyết định tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt những người này là phù hợp Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Các đương sự đều thống nhất xác định bà Bùi Ngọc Y mắc bệnh thiểu năng từ nhỏ, không thể tự sinh hoạt cá nhân, hiện nay do ông N trực tiếp nuôi dưỡng. Ngày 04/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức có quyết định trưng cầu Trung tâm Pháp Y Tâm Thần khu vực Thành phố H giám định về tình trạng tâm thần đối với bà Y. Theo Kết luận giám định pháp y tâm thần số 4822/KLGĐ ngày 20/6/2024 của Trung tâm Pháp Y Tâm Thần Khu vực Thành phố H kết luận: "Về y học: Đương sự bị: Chậm phát triển tâm thần mức độ nặng (F72-ICD10). Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi". Do đó, có căn cứ chấp nhận đơn yêu cầu của ông Bùi Minh N về việc tuyên bố bà Bùi Ngọc Y mất năng lực hành vi dân sự.

[4] Về việc cử người giám hộ: Ông N và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Ngọc H, ông Bùi Đình C, bà Bùi Thị Thanh H1, ông Dương Tâm L1, bà Dương Thị Huyền T1, bà Dương Thị Huyền C1, bà Dương Thị Huyền D, bà Dương Thị Huyền T2, ông Bùi Đức T đồng ý Toà án chỉ định ông Bùi Minh N làm người giám hộ đối với bà Bùi Ngọc Y. Riêng bà Bùi Thị Thanh L thừa nhận hiện nay ông N đang là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc bà Y và việc các anh chị em khác đồng ý cử ông N là người giám hộ cho bà Y thì bà không có ý kiến, bà không tranh chấp về việc cử người giám hộ, bà cũng không đồng ý là người giám hộ cho bà Y nhưng không đề nghị Toà án cử người giám hộ mà đề nghị thực hiện theo thẩm quyền, không đồng ý ghi nhận tại phiên họp. Xét thấy, theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Dân sự 2015 và Điều 378 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Toà án chỉ định người giám hộ trong trường hợp người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự

hoặc khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi. Bà Bùi Ngọc Y không có người giám hộ đương nhiên, các đương sự không tranh chấp về việc giám hộ nên Uỷ ban nhân dân xã nơi cư trú của bà Y là Ủy ban nhân dân xã L có trách nhiệm cử người giám hộ cho bà Y. Do đó, Toà án không chấp nhận yêu cầu này của ông N.

[5] Về chi phí giám định pháp y tâm thần: Ông N đã tự chi trả cho Trung tâm giám định pháp y tâm thần khu vực Thành phố H và đồng ý chịu chi phí này. Ông N đã nộp xong.

[6] Về lệ phí dân sự: Ông N phải chịu lệ phí là 300.000 đồng, theo quy định tại Điều 37 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 27, các Điều 35, 39, 149, 361, 370, 371, 372, 376, 378 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 17, 22 Bộ luật dân sự, Điều 37 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Bùi Minh N.

Tuyên bố bà Bùi Ngọc Y, sinh năm 1958, địa chỉ: Ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An mất năng lực hành vi dân sự.

Sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, ông N có quyền liên hệ cơ quan nhà nước (UBND) có thẩm quyền để làm thủ tục cử người giám hộ cho bà Bùi Ngọc Y theo quy định pháp luật.

Khi người bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự không còn ở trong tình trạng đã bị tuyên bố thì chính người đó hoặc người có quyền, lợi ích liên quan hoặc cơ quan, tổ chức hữu quan có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Bùi Minh N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng ông N đã nộp theo biên lai thu số 0007256 ngày 02/5/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức (ông N đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng cáo, kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Toà án ra quyết định. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được bản sao quyết định hoặc kể từ ngày được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hồ Thị Miên